

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện chính sách tài chính quy định tại Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 8/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008 và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 9/04/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 và Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách tài chính quy định tại Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính

sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ (Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg) như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chính sách tài chính khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với các ngành: cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, sản xuất lắp ráp ô tô, dệt - may, da - giày và công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghệ cao theo quy định tại Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công nghiệp hỗ trợ.

2. Các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Trong đó, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg hoặc có tên trong Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg.

Điều 3. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1. Đối với các dự án thuộc Danh mục lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu (Nghị định số 87/2010/NĐ-CP) hoặc đầu tư vào địa bàn được ưu đãi về thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 18 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP thì được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP, cụ thể:

1.1. Được miễn thuế nhập khẩu đối với:

a) Thiết bị, máy móc;

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ trong nước chưa sản xuất được; phương tiện vận chuyển đưa đón công nhân gồm xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên và phương tiện thủy;

c) Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Nguyên liệu, vật tư trong nước chưa sản xuất được dùng để chế tạo thiết bị, máy móc nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ với thiết bị, máy móc quy định tại điểm a khoản này;

d) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

1.2. Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại

khoản 1.1. Điều này được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế công nghệ, đổi mới công nghệ.

1.3. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư vào lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (trừ các dự án sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy sưởi điện, tủ lạnh, máy giặt, quạt điện, máy rửa bát đĩa, đầu đĩa, dàn âm thanh, bàn là điện, ấm đun nước, máy sấy khô tóc, làm khô tay và những mặt hàng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ) được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất.

2. Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm mà trong nước chưa sản xuất được.

3. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm: máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải trong nước chưa sản xuất được, công nghệ trong nước chưa tạo ra được; tài liệu, sách, báo, tạp chí khoa học và các nguồn tin điện tử về khoa học và công nghệ.

4. Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước được miễn thuế nhập khẩu; trường hợp có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài thì khi nhập khẩu vào thị trường trong nước chỉ phải nộp thuế nhập khẩu trên phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong hàng hóa đó.

5. Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu hoặc xuất vào khu phi thuế quan nếu đã nộp thuế nhập khẩu thì được hoàn thuế tương ứng với tỷ lệ sản phẩm thực tế xuất khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu có đủ điều kiện xác định là được chế biến từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu.

6. Thủ tục miễn thuế nhập khẩu, không thu thuế xuất khẩu và hoàn thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 6/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (Thông tư số 194/2010/TT-BTC).

Điều 4. Vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được xem xét vay một phần vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực

hiện.

Điều 5. Chính sách trợ giúp tài chính theo quy định về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chủ đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ là doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng các chính sách trợ giúp tài chính theo quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, như sau:

1. Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/1/2011 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại.

2. Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31/3/2011 của liên Bộ Tài chính – Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg ngày 6/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2011; Thông tư số 52/2011/TT-BTC ngày 22/4/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg ngày 6/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2011.

Điều 6. Ưu đãi về thuế đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao

Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao được hưởng các chính sách về thuế theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

a) Trường hợp dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao thuộc Danh mục lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP hoặc đầu tư vào địa bàn được ưu đãi về thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 18 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP thì được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

b) Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Thông tư này nếu đảm bảo các điều kiện quy định tương ứng tại từng khoản.

c) Thủ tục thực hiện ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 194/2010/TT-BTC.

2. Về thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Trường hợp dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao thuộc doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản xuất sản phẩm phần mềm hoặc là doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn... được ưu đãi về thuế suất, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Chương III Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Căn cứ thực hiện ưu đãi về thuế suất, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư số 18/2011/TT-BTC ngày 10/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 130/2008/TT-BTC.

Điều 7. Hướng dẫn chính sách ưu đãi về thuế và thu khác

1. Về thuế giá trị gia tăng:

a) Các doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 8/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

b) Các doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được áp dụng thủ tục gia hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư số 92/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục gia hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp.

2. Về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được

hưởng các ưu đãi sau:

a) Miễn, giảm tiền tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 9/4/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 198/2004/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

c) Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định tại Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2011
2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. *KL*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân TC;
- Viện Kiểm sát nhân dân TC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Thuế, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (PXNK).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn